

NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ

Đặng Hồ Phương Thảo

Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM

Email: *thaodang0986@gmail.com*

Ngày nhận bài: 09/01/2020; Ngày chấp nhận đăng: 02/3/2020

TÓM TẮT

Bài báo cung cấp một số thông tin nhận thức về biến đổi khí hậu (BĐKH) và các giải pháp ứng phó của sinh viên (SV) trong giai đoạn hiện nay. Quá trình khảo sát và thu thập mẫu nghiên cứu được thực hiện ở Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH CNTP TPHCM). Nghiên cứu đã sử dụng phiếu điều tra được thiết kế sẵn cho 200 SV trong Trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức về khái niệm BĐKH của SV ở mức trung bình. SV đã nhận thấy các biểu hiện của BĐKH ở địa phương, trong đó, biểu hiện được nhận thấy rõ ràng nhất là sự thay đổi nhiệt độ. Ngoài ra, còn có các biểu hiện khác như hạn hán, lũ lụt... Nguồn thông tin về BĐKH được SV tiếp nhận khá rộng rãi, chủ yếu qua tivi và radio. 80,5% SV được khảo sát cho rằng BĐKH có tác động lớn nhất đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trước tác động của BĐKH, Trường ĐH CNTP TPHCM nói chung và các Khoa nói riêng đã tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH. Trong đó, 85,5% SV tham gia các hoạt động vì mục đích chính là bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Nhận thức, biến đổi khí hậu, ứng phó, sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu (BĐKH) là một trong những thách thức lớn nhất đối với toàn nhân loại trong thế kỉ 21 và các thế kỷ tiếp theo [1]. BĐKH với biểu hiện chính là sự ấm lên toàn cầu do phát thải khí nhà kính từ các hoạt động của con người. Trong vòng 100 năm qua (1906-2010), nhiệt độ toàn cầu đã tăng lên khoảng 0,74 °C, hầu hết là tăng lên trong vòng 50 năm trở lại đây. BĐKH được dự báo sẽ gây ra sự thay đổi bất thường về lượng mưa và gia tăng các hiện tượng cực đoan như lũ lụt, hạn hán và bão [2]. BĐKH không còn đơn thuần là vấn đề về môi trường mà nó đã trở thành vấn đề gắn liền với sự phát triển, là yếu tố quan trọng có tác động toàn diện đến sự phát triển bền vững của cả thế giới.

Báo cáo đánh giá lần thứ 5 của Ủy Ban Liên chính phủ về BĐKH đã chỉ ra rằng các quốc gia ven biển ở khu vực Đông Nam Á, bao gồm Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH và nước biển dâng [3]. Ở Việt Nam, trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình đã tăng khoảng 2-3 °C và mực nước biển đã dâng thêm khoảng 20 cm. Dự đoán rằng, vào cuối thế kỷ 21, theo kịch bản phát thải cao, nhiệt độ trung bình ở Việt Nam có thể tăng thêm 2,5-3,7 °C và mực nước biển có thể dâng thêm 78-95 cm [4]. Tác động của BĐKH đối với nước ta là rất nghiêm trọng, là nguy cơ hiện hữu cho mục tiêu xoá đói giảm nghèo, cho việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước [5].

Trong Chiến lược quốc gia của nước ta về BĐKH được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2011 [5], Việt Nam coi ứng phó với BĐKH là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Ứng phó với BĐKH phải gắn liền với phát triển bền vững, được tiến hành đồng thời các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, trong đó ở thời kỳ đầu thích ứng là trọng tâm. Nhiều biện pháp xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH đã được triển khai, đặc biệt là các đối tượng học sinh và sinh viên (SV) [6, 7]. Trong Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành Giáo dục giai đoạn 2011-2020 [7], ngành Giáo dục đã đưa kiến thức cơ bản về BĐKH vào trong các chương trình, bậc giáo dục, đào tạo; phát triển và có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các chuyên ngành liên quan đến thích ứng với BĐKH.

Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc Trung ương được xếp loại đô thị đặc biệt của Việt Nam. Theo Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Thành phố Hồ Chí Minh là một trong 10 thành phố đông dân nhất trên thế giới có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do BĐKH. Đến năm 2050, hàng triệu người dân thành phố sẽ gánh chịu rủi ro từ những sự kiện thời tiết thường xuyên và cực đoan như ngập lụt và các cơn bão nhiệt đới [8]. Hiện tại, trên địa bàn Thành phố có nhiều trường đại học, cao đẳng, trung cấp, thu hút SV đến học tập và sinh sống. Việc tập trung một lượng lớn dân cư đã gây áp lực không nhỏ đến vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường sống trên địa bàn Thành phố. SV là tầng lớp tri thức của xã hội hiện nay đang phải đối mặt với thách thức to lớn là sự thiếu hiểu biết về môi trường, thiếu những kỹ năng và kiến thức để ứng phó với BĐKH. Đặc biệt, hiện nay một bộ phận SV có những thói quen gây ảnh hưởng đến môi trường và BĐKH [9]. Nâng cao nhận thức về BĐKH và các biện pháp ứng phó đối với BĐKH của SV là một việc làm rất cấp bách, cần phải thực hiện trong một thời gian dài, liên tục và ngay từ bây giờ. Xuất phát từ đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng nhận thức về BĐKH của SV trong giai đoạn hiện nay, trường hợp điển hình SV Trường ĐH CNTP TPHCM, nhằm góp phần hỗ trợ Nhà trường nói chung và các Khoa nói riêng có kế hoạch hành động cụ thể nhằm tăng cường công tác giáo dục, đào tạo để nâng cao nhận thức, hình thành kỹ năng ứng phó với BĐKH, giúp SV có thái độ ứng xử đúng đắn với vấn đề BĐKH.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập, tổng hợp tài liệu

Trong nghiên cứu này, các tài liệu về thực trạng BĐKH trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng được thu thập bao gồm: số liệu, hình ảnh, tài liệu trích dẫn, biểu đồ... Các dữ liệu thứ cấp được thu thập để tìm hiểu, phân tích các khái niệm, nguyên nhân, tác động của BĐKH, ảnh hưởng của BĐKH. Ngoài ra, nghiên cứu còn kế thừa các thông tin đã có từ các tài liệu, kết quả điều tra hoặc các nghiên cứu liên quan trước đây.

2.2. Phương pháp điều tra phỏng vấn, thu thập thông tin

Nghiên cứu đã tiến hành điều tra phỏng vấn kết hợp sử dụng bảng hỏi. Mẫu câu hỏi nghiên cứu tập trung chủ yếu về các thông tin chính như: nhận thức chung của SV về BĐKH; nhận thức của SV về biểu hiện và tác động của BĐKH. Ngoài ra, nghiên cứu còn khảo sát thông tin về các giải pháp ứng phó với BĐKH của SV Trường ĐH CNTP TPHCM. Trong nghiên cứu này, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có phân lớp được thực hiện. Việc áp dụng phương pháp và kỹ thuật chọn mẫu dựa trên ý kiến chuyên gia và kinh nghiệm. Kích thước mẫu điều tra được tính theo công thức của Đinh Đức Trường [10]. Tổng số mẫu điều tra là 200. Trên cơ sở lựa chọn 05 ngành đại diện: Công nghệ kỹ thuật môi trường (CNKTMĐT), Công nghệ sinh học (CNSH), Công nghệ hóa học (CNHH), Điện - Điện tử (Đ-ĐT)

và Quản trị kinh doanh (QTKD). Mỗi ngành phân phối theo tỷ lệ 1:1:1:1 cho các khóa học từ năm 1 đến năm 4.

2.3. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

Các số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm phân tích thống kê SPSS 20 nhằm thống kê mô tả các số liệu và thông tin đã thu thập được. Các kết quả nghiên cứu được trình bày dưới dạng bảng thống kê.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Tổng hợp kết quả điều tra cho thấy, có 200 mẫu hợp lệ trong tổng số 200 mẫu điều tra (đạt tỷ lệ 100%). Như thống kê ở Bảng 1, sinh viên nữ chiếm tỷ lệ 54,50%, còn lại là sinh viên nam (chiếm 45,50%), được phân bố cho sinh viên 05 ngành thuộc các khóa học từ năm 1 đến năm 4.

Bảng 1. Đặc điểm của người tham gia phỏng vấn

| Chi tiêu | ĐVT | Năm 1 | Năm 2 | Năm 3 | Năm 4 | Tỷ lệ (%) |
|--|-------|-------|-------|-------|-------|-----------|
| 1. Giới tính | | | | | | |
| 1.1 Nam | Người | 29 | 23 | 21 | 18 | 45,50 |
| 1.2 Nữ | Người | 21 | 27 | 29 | 32 | 54,50 |
| 2. Ngành | | | | | | |
| 2.1 Công nghệ Kỹ thuật môi trường (CNKTMT) | Người | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 |
| 2.2 Công nghệ sinh học (CNSH) | Người | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 |
| 2.3 Công nghệ hóa học (CNHH) | Người | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 |
| 2.4 Điện - điện tử (Đ-ĐT) | Người | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 |
| 2.5 Quản trị kinh doanh (QTKD) | Người | 10 | 10 | 10 | 10 | 20 |

3.1. Nhận thức chung về BDKH

Nhận thức đúng về khái niệm, nguyên nhân và biểu hiện của BDKH là cơ sở quan trọng để SV có các hoạt động ứng phó với BDKH. Hiểu biết cụm từ BDKH được chia thành 3 mức: 1) 1-1,67: Thấp (Chưa biết bao giờ); 2) 1,67-2,34: Trung bình (Có biết nhưng không hiểu rõ); 3) 2,34-3,00: Cao (Có hiểu về vấn đề này). Sử dụng mức độ nhận thức về BDKH là biến số duy nhất, kiểm định chi bình phương đơn biến được sử dụng để kiểm tra giả thuyết rằng mức độ nhận thức về BDKH đối với SV không thấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ nhận thức về BDKH của SV không thấp đáng kể ($\chi^2 = 33,63$, $df = 8$, $N = 200$, $p = 0,00$) (Bảng 2). Những người được hỏi ghi nhận mức độ nhận thức về BDKH ở mức trung bình (2,22 điểm trong thang nhận thức) cho thấy rằng SV của Trường Đại học CNTP TPHCM nhận thức tương đối được khái niệm BDKH, nhưng vẫn còn tồn tại những lỗ hổng trong kiến thức và sự hiểu biết của họ.

Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về khái niệm của BĐKH

| Nhận thức | N | % | χ^2 | df | p |
|------------|-----|-------|----------|----|---|
| Thấp | 25 | 12,50 | 33,63 | 8 | 0 |
| Trung bình | 119 | 59,50 | | | |
| Cao | 56 | 28 | | | |

Về nguyên nhân gây ra BĐKH, 59% SV đã hiểu được đầy đủ nguyên nhân của BĐKH là do cả 2 yếu tố: sự biến đổi của tự nhiên và do hoạt động con người (Bảng 3). Có 32% SV cho rằng BĐKH là do hoạt động con người và 9% SV cho rằng BĐKH là sự biến đổi của tự nhiên. Để có kiến thức về BĐKH, SV tiếp cận các nguồn thông tin đa dạng ở các lĩnh vực. Phổ biến nhất là từ tivi và radio, chiếm 94%.

Bảng 3. Nhận thức của SV về nguyên nhân gây ra BĐKH (%)

| Nội dung | SV Khoa CNKTMT | SV Khoa CNSH | SV Khoa CNHH | SV Khoa Đ-ĐT | SV Khoa QTKD | Tổng |
|--|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|------|
| - BĐKH là sự biến đổi của tự nhiên | 2,0 | 1,0 | 1,5 | 4,0 | 0,5 | 9 |
| - BĐKH là sự biến đổi do hoạt động con người | 5,5 | 7,0 | 6,0 | 6,5 | 7,0 | 32 |
| - Cả 2 yếu tố trên | 12,5 | 12,0 | 12,5 | 9,5 | 12,5 | 59 |

3.2. Nhận thức của SV về biểu hiện và tác động của BĐKH

Biểu hiện của BĐKH được chia thành 3 cấp độ (1 = Mát hơn/ít hơn; 2 = Không thay đổi; 3 = Nóng hơn/nhiều hơn).

Bảng 4. Khảo sát nhận thức của SV về biểu hiện của BĐKH

| Biểu hiện | SV Khoa CNKTMT | SV Khoa CNSH | SV Khoa CNHH | SV Khoa Đ-ĐT | SV Khoa QTKD | Điểm trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---------------------------------------|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-----------------|---------------|
| 1. Nhiệt độ | 2,83 | 2,70 | 2,75 | 2,68 | 2,58 | 2,71 | 0,08 |
| 2. Bão, áp thấp nhiệt đới | 2,58 | 2,45 | 2,50 | 2,53 | 2,35 | 2,48 | 0,08 |
| 3. Hạn hán | 2,63 | 2,60 | 2,60 | 2,50 | 2,48 | 2,56 | 0,06 |
| 4. Lũ lụt | 2,50 | 2,55 | 2,53 | 2,48 | 2,40 | 2,49 | 0,05 |
| 5. Nước biển dâng cao và xâm nhập mặn | 2,45 | 2,38 | 2,38 | 2,33 | 2,38 | 2,38 | 0,04 |
| Trung bình | 2,60 | 2,54 | 2,55 | 2,50 | 2,44 | 2,52 | 0,23 |

Kết quả phân tích số liệu ở Bảng 4 cho ta thấy rằng, theo ý kiến của SV, biểu hiện rõ ràng nhất của BĐKH là sự thay đổi nhiệt độ. Các biểu hiện như hạn hán, lũ lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng cao và xâm nhập mặn có sự gia tăng ngày càng rõ rệt hơn. Nhận thức này phù hợp với xu thế BĐKH ở Việt Nam. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhiệt độ có xu thế tăng ở hầu hết các trạm quan trắc, hạn hán xuất hiện thường xuyên trong mùa khô, số lượng bão mạnh có xu hướng tăng, lượng mưa hàng năm trung bình cả nước có xu

hướng tăng nhẹ, mực nước trung bình khu vực ven biển Việt Nam có xu thế tăng...[4]. Nhìn chung, giá trị trung bình các biến quan sát khá cao (Mean = 2,52; Độ lệch chuẩn SD = 0,23) khẳng định sự hiểu biết của SV Trường ĐH CNTP TPHCM về biểu hiện của BĐKH.

Phép phân tích ANOVA được thực hiện nhằm đánh giá sự khác biệt giữa nhận thức của SV 05 nhóm ngành về biểu hiện của BĐKH. Phân tích ANOVA có kết quả cho thấy rằng xét mức ý nghĩa 5% có sự khác biệt thống kê giữa nhận thức của SV 05 nhóm ngành về biểu hiện của BĐKH. $F = 2,70$; $df = 4$; $p = 0,03$. Kết quả nêu trên cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình của SV các nhóm ngành ($p = 0,03 < 0,05$).

Theo Bộ Tài Nguyên và Môi trường, các tác động tiềm tàng của BĐKH đối với các ngành/lĩnh vực bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng, công nghiệp... [1]. Kết quả khảo sát ở Bảng 5 về tác động của BĐKH đến các nhóm ngành kinh tế cho thấy ngành nông nghiệp được cho là bị ảnh hưởng nhiều nhất (80,5%). Thực tế, hoạt động sản xuất nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tự nhiên như: đất đai, nguồn nước, khí hậu, chế độ thủy văn, nhiệt độ, độ ẩm... nên sẽ là ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi BĐKH ở Việt Nam [11, 12]. Ngoài ra, các lĩnh vực như công nghiệp, lâm nghiệp, năng lượng... sẽ bị tổn thương nhiều hơn trước tác động của BĐKH. SV được khảo sát nhìn chung đã nhận diện những tác động chính của BĐKH một số ngành/lĩnh vực chủ chốt. Điều này rất cần thiết để từ đó có những giải pháp ứng phó với BĐKH khả thi với bối cảnh trong nước và phù hợp với xu hướng chung của thế giới.

Bảng 5. Nhận thức của SV về tác động của BĐKH đối với các nhóm ngành (%)

| Ngành/lĩnh vực | SV Khoa CNKTMT | SV Khoa CNSH | SV Khoa CNHH | SV Khoa Đ-ĐT | SV Khoa QTKD | Tổng |
|----------------|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------|
| Năng lượng | 5,00 | 7,50 | 15,00 | 15,00 | 17,50 | 12,00 |
| Lâm nghiệp | 10,00 | 20,00 | 22,50 | 17,50 | 22,50 | 18,50 |
| Công nghiệp | 15,00 | 20,00 | 27,50 | 22,50 | 27,50 | 22,50 |
| Nông nghiệp | 82,50 | 92,50 | 72,50 | 80,00 | 75,00 | 80,50 |

3.3. Các hoạt động bảo vệ môi trường và các biện pháp ứng phó với BĐKH của SV Trường ĐH CNTP TPHCM

Trước tác động của BĐKH, Trường ĐH CNTP TPHCM nói chung và các Khoa nói riêng đã và đang tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó và thích ứng với BĐKH như Chạy vì trái tim, Giờ trái đất... Trong đó, hoạt động Giờ trái đất có số lượng SV tham gia nhiều nhất (62%), tiếp đến là hoạt động Chạy vì trái tim và Ươm mầm.

Bảng 6. Các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH của SV (%)

| Hoạt động | SV Khoa CNKTMT | SV Khoa CNSH | SV Khoa CNHH | SV Khoa Đ-ĐT | SV Khoa QTKD | Tổng |
|------------------|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------|
| Chạy vì trái tim | 35,00 | 25,00 | 30,00 | 40,00 | 30,00 | 32,00 |
| Giờ trái đất | 67,50 | 37,50 | 57,50 | 75,00 | 72,50 | 62,00 |
| Ươm mầm | 50,00 | 50,00 | 2,50 | 12,50 | 5,00 | 24,00 |
| Khác | 5,00 | 10,00 | 2,50 | 2,50 | 0,00 | 4,00 |

Ngoài ra, kết quả khảo sát ở Bảng 7 cho thấy mục đích chính của SV khi tham gia các hoạt động ứng phó với BĐKH là góp phần bảo vệ môi trường (85,5%). Các mục đích khác như tham gia để được cộng điểm (13%), tham gia do tác động của người khác (7,5%). Qua

đó, ta thấy được các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH nêu trên đã tạo được hiệu quả cao, thu hút nhiều SV tham gia và góp phần nâng cao được nhận thức của SV về môi trường và BĐKH.

Bảng 7. Mục đích tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH của SV (%)

| Mục đích tham gia | SV Khoa CNKTMT | SV Khoa CNSH | SV Khoa CNHH | SV Khoa Đ-ĐT | SV Khoa QTKD | Tổng |
|-------------------|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------|
| Bảo vệ môi trường | 92,50 | 77,50 | 92,50 | 77,50 | 87,50 | 85,50 |
| Bị tác động | 7,50 | 12,50 | 2,5 | 15 | 0 | 7,50 |
| Cộng điểm | 12,50 | 15 | 10 | 22,5 | 5 | 13 |
| Khác | 0 | 7,50 | 0 | 5 | 0 | 2,50 |

SV là những người được học tập và tiếp cận với những kiến thức, công nghệ kỹ thuật mới, hiện đại. Vì thế SV có vai trò rất quan trọng trong ứng phó với tác động của BĐKH. Kết quả khảo sát ở Bảng 8 cho thấy, nhận thức của SV về các hoạt động này ở mức khá cao. Bên cạnh đó, một số SV còn nhận thức thấp khi lựa chọn việc “chỉ học lý thuyết về các vấn đề này” với tỷ lệ 2%. Các hoạt động thiết thực và cụ thể sẽ nâng cao được tinh thần tự giác và tích cực tham gia của các SV như dọn dẹp rác, trồng cây xanh và thực hiện các mô hình xử lý môi trường. Qua đó, SV còn có thể bổ sung được cho mình nhiều kiến thức mới, nâng cao tinh thần tự giác trong hành động bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH.

Bảng 8. Nhận thức của SV về các biện pháp ứng phó với tác động của BĐKH

| STT | Các hoạt động ứng phó với BĐKH của SV | Số lượng | Tỷ lệ % |
|-----|---|----------|---------|
| 1 | Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó BĐKH | 165 | 82,50 |
| 2 | Tăng cường, nâng cao nhận thức về BĐKH | 155 | 77,50 |
| 3 | Tiết kiệm điện, nước sinh hoạt | 139 | 69,50 |
| 4 | Vận động, tuyên truyền các hoạt động bảo vệ môi trường | 139 | 69,50 |
| 5 | Tái sử dụng túi nilon, tái sử dụng sách | 130 | 65,00 |
| 6 | Đề ra các chương trình thiết thực cho SV khác cùng tham gia | 107 | 53,50 |
| 7 | Chỉ cần học lý thuyết về các vấn đề này | 4 | 2,00 |
| 8 | Khác | 4 | 2,00 |

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Bài báo đã trình bày kết quả nghiên cứu bước đầu nhận thức về BĐKH của SV Trường ĐH CNTP TPHCM trong giai đoạn hiện nay. Kết quả cho thấy nhận thức về khái niệm BĐKH của SV Trường ĐH CNTP TPHCM ở mức trung bình. 59% SV đã hiểu được đầy đủ nguyên nhân của BĐKH là do sự biến đổi của tự nhiên và do hoạt động con người. Kiến thức về BĐKH được SV tiếp cận đa dạng ở các lĩnh vực, phổ biến nhất là từ tivi và radio. Nhận thức về những biểu hiện của BĐKH như nhiệt độ, hạn hán... của SV ngành CNKTMT cao hơn các ngành còn lại. Trong số các ngành/lĩnh vực chịu tác động của BĐKH, ngành nông nghiệp được cho là bị ảnh hưởng nhiều nhất (80,5%). Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy nhận thức của SV về các hoạt động ứng phó với BĐKH ở mức khá cao. SV đã thực hiện

nhiều hoạt động rất thiết thực để góp phần ứng phó với BĐKH. 85,5% SV được khảo sát tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường vì mục đích chính là bảo vệ môi trường.

4.2. Kiến nghị

Để nâng cao nhận thức cho SV về BĐKH cần có các giải pháp cụ thể, đồng bộ từ nhiều phía. Nhà Trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Phòng Công tác chính trị và Học sinh SV của Trường và các Khoa cần tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống xanh, đặc biệt là kỹ năng ứng phó với BĐKH. Bản thân SV cần chủ động nâng cao nhận thức về BĐKH, tích cực rèn luyện các kỹ năng ứng phó với BĐKH; vận dụng kiến thức học được từ nhà trường, góp phần giảm thiểu tác hại của BĐKH, đồng thời tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại để phục vụ cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường - Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với Biến đổi khí hậu, Hà Nội (2008).
2. Ngân hàng Phát triển Châu Á - Nghiên cứu tác động Biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp thích ứng Đồng Bằng sông Cửu Long - Phần A, Melbourne, Australia (2011).
3. IPCC - The physical science basis: Contributing of working group I to the Fifth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press, Cambridge (2013).
4. Bộ Tài nguyên và Môi trường - Kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam, NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam (2016).
5. Thủ tướng Chính phủ - Quyết định 2139/QĐ-TTg ngày 5 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chiến lược quốc gia về Biến đổi khí hậu, Hà Nội (2011).
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Quyết định 329/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2014 Về việc phê duyệt Đề án “Thông tin, tuyên truyền về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai trong trường học giai đoạn 2013-2020”, Hà Nội (2014).
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2011 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của ngành giáo dục giai đoạn 2011- 2020, Hà Nội (2011).
8. Ngân hàng Phát triển Châu Á - Thành phố Hồ Chí Minh thích nghi với biến đổi khí hậu, Philippines (2010).
9. Võ Anh Kiệt, Phạm Thị Thanh Trang, Trần Quang Bình, Trần Đình Quân - Khảo sát thái độ đối với các vấn đề môi trường của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm **18** (2) (2019) 99-109.
10. Đinh Đức Trường - Đánh giá giá trị kinh tế phục vụ quản lý tài nguyên đất ngập nước - áp dụng tại vùng đất ngập nước cửa sông Ba Lạt, tỉnh Nam Định, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội (2010).
11. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Môi trường - Tài liệu hướng dẫn Đánh giá tác động của Biến đổi khí hậu và xác định các giải pháp thích ứng, NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội (2011).

12. Trần Thọ Đạt, Vũ Thị Hoài Thu - Tác động của Biến đổi khí hậu đến tăng trưởng và phát triển ở Việt Nam và một số gợi ý chính sách, Tạp chí Kinh tế và Phát triển **193** (2013) 15-22.

ABSTRACT

AWARENESS OF STUDENTS AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOOD INDUSTRY ABOUT CLIMATE CHANGE AND SOLUTIONS

Dang Ho Phuong Thao
Ho Chi Minh City University of Food Industry
Email: *thaodang0986@gmail.com*

The study aims to provide information about climate change (CC) awareness and solutions among students nowadays. Ho Chi Minh City University of Food Industry (HUFI) was chosen for surveying and studying process. A set of pre-designed questionnaires were used to fill out by 200 students of the University. The results showed that student awareness of CC concept is at an average level. Students have noticed the signs of CC in their local areas. The most obvious manifestation is the change of temperature. In addition, there are other manifestations such as drought, flood... The climate change information was widely received by the students, mainly through TV and radio. 80,5% of students said that CC has the most significant impact on the agricultural sector. Under the circumstances, HUFI in general and the Departments in particular have organized activities for environmental protection, response and adaptation to CC. In particular, 85,5% of the University students took part in the activities for the primary purpose of protecting the environment.

Keywords: Awareness, climate change, response, students.